

Số: 73 /TB-BV

Hà Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2016

## THÔNG BÁO

### Về việc kiểm tra đánh giá trình độ chuyên môn Bác sỹ, Điều dưỡng trưởng, Hộ sinh trưởng, Kỹ thuật viên trưởng năm 2016

Thực hiện kế hoạch số 95/KH-BV ngày 24 tháng 3 năm 2016 về việc kiểm tra đánh giá trình độ chuyên môn Bác sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên, y sỹ, được sỹ trung cấp năm 2016;

Đơn vị đào tạo thông báo như sau:

1. Ngày, thời gian thi:

\* Ngày thi: 02/7/2016;

\* Thời gian thi: - Thi lý thuyết: Từ 8 giờ đến 10 giờ;

- Hỏi thi vấn đáp: Từ 14 giờ đến 17 giờ 30 phút;

2. Địa điểm thi:

\* Thi lý thuyết: Trường Trung cấp y tế tỉnh Hà Giang;

\* Hỏi thi vấn đáp:

- Bác sỹ thi tại Hội trường BVĐK tỉnh Hà Giang (Chia làm 2 bàn thi);

- Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trưởng thi tại Phòng họp, Tầng 5, Nhà A.

3. Thành phần thi: Bác sỹ, Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng các khoa (Danh sách đính kèm)

4. Ban giám khảo coi và chấm thi (Danh sách đính kèm)./.

**Lưu ý:** - Các thí sinh đến trước giờ thi 15p;

- Phòng thi lý thuyết thông báo sau. *Ly*

**Nơi nhận:**

- Ban GD;
- Website Bệnh viện;
- Trường TCYT Hà Giang ;
- Lưu: VT, ĐVĐT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



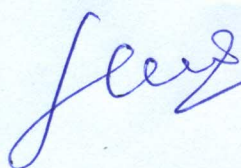
**Vũ Hùng Vương**  
Trưởng đơn vị đào tạo

**DANH SÁCH BÁC SỸ DỰ THI KIỂM TRA TAY NGHỀ NĂM 2016**

| TT | Họ và tên           | Khoa, phòng       | Ngày tháng năm sinh | Tuyển dụng | Trình độ chuyên môn | Ghi chú                        |
|----|---------------------|-------------------|---------------------|------------|---------------------|--------------------------------|
| 1  | Vũ Thị Quỳnh Anh    | Khoa Mắt          | 26/9/1989           | 01/2016    | BSDH                |                                |
| 2  | Cần Ngọc Thúy       | -                 | 16/11/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 3  | Ngô Thị Thanh Huyền | Khoa Tai Mũi Họng | 19/06/1990          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 4  | Vương Thùy Vân      | -                 | 18/01/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 5  | Nguyễn Thị Quỳnh    | -                 | 10/12/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 6  | Ng. Thị Thu Hương   | Khoa TMNT         | 20/02/1990          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 7  | Phạm T. Huyền Trang | -                 | 30/8/1990           | 01/2016    | BSDK                | Thai sản                       |
| 8  | Phạm Ngọc Nam       | -                 | 01/05/1990          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 9  | Đinh Thị Duyên      | -                 | 07/01/1988          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 10 | Dương Minh Châu     | Khoa Nội TH       | 05/11/1990          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 11 | Lệnh Thị Tân        | -                 | 09/06/1989          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 12 | Phạm Tuấn Anh       | -                 | 30/11/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 13 | Lưu Cẩm Loan        | -                 | 18/05/1990          | 01/2016    | BSDK                | Có thai >7 tháng (miễn thi)    |
| 14 | Ng. Thị Huyền My    | -                 | 08/06/1990          | 01/2016    | BSDK                | Con nhỏ <18 tháng (miễn thi)   |
| 15 | Mai Ngọc Anh        | Khoa Phẫu Thuật   | 30/7/1990           | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 16 | Đinh Trọng Tiến     | -                 | 26/08/1990          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 17 | Nguyễn Thị Nhung    | Khoa Truyền Nhiễm | 26/6/1990           | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 18 | Hoàng Thị Hương     | -                 | 19/01/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 19 | Ng. Thị Hồng Nhân   | Khoa Nhi          | 02/08/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 20 | Ma Tường Huy        | -                 | 20/10/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 21 | Đỗ Thị Diệp         | -                 | 02/06/1990          | 01/2016    | BSDK                | Học CGKT Đề án 1816 (miễn thi) |
| 22 | Đặng Cao Kỳ         | Khoa Ngoại TH     | 30/11/1988          | 1/8/2014   | BSDK                |                                |
| 23 | Bùi Ngọc Hân        | -                 | 11/10/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 24 | Lộc Trần Thịnh      | -                 | 10/10/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 25 | Nguyễn Xuân Tiến    | Khoa Cấp Cứu      | 15/7/1988           | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 26 | Lê Ánh Hồng Phong   | -                 | 28/9/1989           | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 27 | Hà Trọng Nghĩa      | Khoa HSTC&CD      | 08/08/1990          | 1/2016     | BSDK                |                                |
| 28 | Ng. Thị Huyền Trang | -                 | 12/09/1989          | 11/2014    | BSDK                | Thai sản                       |
| 29 | Vũ Thị Hằng         | -                 | 16/08/1989          | 1/2016     | BSDK                | Đi học >3 tháng (miễn thi)     |
| 30 | Hứa Thúy Nga        | Khoa HHTM         | 12/08/1989          | 11/2014    | BSDH                |                                |
| 31 | Ng. Thị Huyền Trang | -                 | 26/02/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 32 | Nguyễn Thị Kim Nga  | Khoa Xét nghiệm   | 20/6/1988           | 11/2014    | BSDK                |                                |
| 33 | Hoàng Thị Hạ        | -                 | 26/10/1989          | 01/2016    | BSDK                |                                |
| 34 | Nguyễn Chí Đệ       | Khoa Lão Khoa     | 29/11/1989          | 11/2014    | BSDK                |                                |

|    |                    |               |            |         |      |                        |
|----|--------------------|---------------|------------|---------|------|------------------------|
| 35 | Nguyễn Thị Hạnh    | -             | 08/09/1990 | 01/2016 | BSĐK |                        |
| 36 | Triệu Ngọc Thúy    | Khoa Da Liễu  | 16/12/1990 | 01/2016 | BSĐK |                        |
| 37 | Trần Vũ Giang      | -             | 31/12/1989 | 11/2014 | BSĐH |                        |
| 38 | Nguyễn Văn Giáp    | -             | 13/01/1989 | 11/2014 | BSĐK | Học CKĐH (miễn thi)    |
| 39 | Phạm Văn Cảnh      | Khoa Ung bướu | 27/02/1987 | 01/2016 | BSĐK |                        |
| 40 | Nghiêm Xuân Việt   | -             | 15/8/1988  | 11/2014 | BSĐK | Học CKĐH (miễn thi)    |
| 41 | Trần Minh Chương   | Khoa CDHA     | 15/7/1989  | 11/2014 | BSĐK |                        |
| 42 | Lý Ngọc Hoàng      | -             | 29/10/1990 | 01/2016 | BSĐK | Đi học >3 tháng (miễn) |
| 43 | Nguyễn Hoàng Thạch | Khoa Sản      | 09/09/1990 | 01/2016 | BSĐK |                        |
| 44 | Hà Thị Kim Diễm    | -             | 29/10/1989 | 11/2014 | BSĐK | Học CKĐH (miễn thi)    |
| 45 | Cam Thị Sử         | Khoa KB TYC   | 10/05/1989 | 01/2016 | BSĐK |                        |
| 46 | Hoàng Thị Thu Hiền | Khoa A10      | 16/9/1990  | 01/2016 | BSĐK |                        |
| 47 | Chu Thị Hân        | Khoa PHCN     | 21/2/1984  | 06/2015 | BSĐH |                        |
| 48 | Khuất Cao Khánh    | Khoa CT-CH    | 15/12/1989 | 12/2014 | BSĐK |                        |
| 49 | Phạm Thùy Linh     | Khoa Vi sinh  | 10/12/1989 | 11/2014 | BSĐK |                        |
| 50 | Sầm Thu Hương      | Khoa GPB      | 21/03/1989 | 11/2014 | BSĐH |                        |
|    |                    |               |            |         |      |                        |

**LẬP BIỂU**



**Nguyễn Thị Lan**

**ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**BSCKII Vũ Hùng Vương**

## DANH SÁCH ĐIỀU DƯỠNG TRƯỞNG THI NĂM 2016

| Stt | Họ và tên          | Năm sinh | Khoa               | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|--------------------|---------|
| 1   | Phạm Anh Tuấn      | 1976     | Ngoại TH           |         |
| 2   | Nguyễn Thị Hà      | 1981     | CTCH               |         |
| 3   | Đỗ Thị Thu Hương   | 1975     | PHCN               |         |
| 4   | Đặng Thị Nga       | 1977     | XN                 |         |
| 5   | Lê Thúy Liên       | 1972     | Da liễu            |         |
| 6   | Phan Công Lý       | 1986     | Cấp cứu            |         |
| 7   | Cam Thị Huệ        | 1982     | Lão khoa           |         |
| 8   | Hoàng Thị Lê       | 1982     | Tâm thần           |         |
| 9   | Nguyễn Khánh Dũng  | 1980     | U bướu             |         |
| 10  | Đinh Thị Lương Tâm | 1977     | A10                |         |
| 11  | Trần Hùng Cường    | 1986     | HSTC - CĐ          |         |
| 12  | Lê Thị Kim Thoa    | 1975     | Nhi                |         |
| 13  | Hoàng Thị Tuyết    | 1984     | KSNK               |         |
| 14  | Nguyễn Thúy Tình   | 1973     | RHM                |         |
| 15  | Trần Thúy Lan      | 1978     | Khám bệnh          |         |
| 16  | Nguyễn Thị Nhân    | 1981     | Dược               |         |
| 17  | Nguyễn Đức Thắng   | 1967     | Chẩn đoán hình ảnh |         |
| 18  | Khuất Thị Lệ Quyên | 1984     | Dinh dưỡng         |         |
| 19  | Nguyễn Thị Vân Anh | 1983     | Phẫu thuật         |         |

(Ấn định danh sách 19 người)

\* Lưu ý: Số thứ tự là số báo danh.

Hà Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2016

**TP. ĐIỀU DƯỠNG**

**Đặng Đức Cường**